

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 42



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Đại Phong	Chủ tịch
- Ông Vũ Văn Hải	Thành viên
- Ông Nguyễn Đạt Trung	Thành viên
- Ông Trịnh Danh Nhường	Thành viên
- Ông Vũ Ngọc Kiên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Đại Phong	Giám đốc
- Ông Vũ Văn Hải	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Đạt Trung	Phó Giám đốc
- Ông Trịnh Danh Nhường	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Ngọc Dung	Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Đặng Thành Nam	Thành viên
- Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Đại Phong - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**3. Trụ sở**

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

34  
D  
H  
P  
/I  
XU



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Bùi Đại Phong**

3640  
G T  
EM H  
KF  
NA  
AN

Số: 60/2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

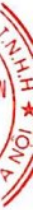
Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 15 tháng 03 năm 2018.

### Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Chu Quang Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1022-2018-242-1

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2018-242-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018 (Điều chỉnh lại)
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.933.782.463</b>	<b>41.347.497.561</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>14.287.035.219</b>	<b>26.704.217.284</b>
Tiền	111		11.236.390.638	22.704.217.284
Các khoản tương đương tiền	112		3.050.644.581	4.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.423.309.990</b>	<b>6.353.837.575</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.882.328.898	1.057.803.060
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.612.378.092	8.077.339.515
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(71.397.000)	(2.781.305.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.006.337.254</b>	<b>8.289.442.702</b>
Hàng tồn kho	141	5.5	10.006.337.254	8.289.442.702
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>217.100.000</b>	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	217.100.000	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>170.602.391.742</b>	<b>154.140.137.162</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.524.186.100</b>	<b>15.524.186.100</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	15.524.186.100	15.524.186.100
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.453.379.451</b>	<b>76.763.133.595</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	69.453.379.451	76.763.133.595
- Nguyên giá	222		89.500.757.704	101.684.310.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.047.378.253)	(24.921.176.833)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.851.000</b>	<b>171.575.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.851.000	171.575.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>85.072.016.600</b>	<b>61.468.781.205</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		85.072.016.600	61.468.781.205
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>536.958.591</b>	<b>212.461.262</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	536.958.591	212.461.262
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>206.536.174.205</b>	<b>195.487.634.723</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2018	01/01/2018 (Điều chỉnh lại)
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>95.730.092.228</b>	<b>74.075.348.006</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.413.327.623</b>	<b>20.758.583.401</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	10.393.578.275	2.623.133.614
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		402.003.120	323.443.275
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.323.665.776	670.381.786
Phải trả người lao động	314		223.048.100	114.587.300
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.11	2.963.539.392	1.864.113.908
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.873.310.000	13.889.621.558
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		201.397.000	212.216.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.785.960	61.085.960
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>73.316.764.605</b>	<b>53.316.764.605</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	73.316.764.605	53.316.764.605
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.806.081.977</b>	<b>121.412.286.717</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>110.312.540.014</b>	<b>115.465.828.617</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.100.000.000	102.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110.100.000.000	102.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(49.773.384)	28.811.560
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	15.192.579.381
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		262.313.398	(1.755.562.324)
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối năm trước	421a		-	257.589.486
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		262.313.398	(2.013.151.810)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>493.541.963</b>	<b>5.946.458.100</b>
Nguồn kinh phí	431	5.15	493.541.963	5.946.458.100
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>206.536.174.205</b>	<b>195.487.634.723</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ






Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Thế Ân

Bùi Đại Phong



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.019.365.425	34.897.765.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	115.060.667
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>49.019.365.425</b>	<b>34.782.705.171</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	48.849.483.042	35.095.397.838
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>169.882.383</b>	<b>(312.692.667)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	180.754.818	292.537.156
Chi phí tài chính	22		4.026.038.977	170.783.882
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.026.038.977	170.783.882
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	4.104.514.098	6.323.195.965
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(7.779.915.874)</b>	<b>(6.514.135.358)</b>
Thu nhập khác	31	6.5	13.016.235.446	8.985.189.695
Chi phí khác	32	6.6	3.192.299.538	4.484.206.147
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>9.823.935.908</b>	<b>4.500.983.548</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.044.020.034</b>	<b>(2.013.151.810)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	26.144.312	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.017.875.722</b>	<b>(2.013.151.810)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	170	(197)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	170	(197)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




  
 Bùi Đại Phong

Nguyễn Thị Phương Linh

Nguyễn Thế Ân

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

9



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)**

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2017 (Điều chỉnh lại)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	34.675.325.074	32.751.092.303
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(27.392.199.117)	(20.078.793.678)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.614.445.103)	(6.224.859.876)
Tiền lãi vay đã trả	04	(220.250.430)	(170.783.882)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(196.023.192)	(120.960.798)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.225.432.623	58.955.306.966
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.175.254.767)	(45.079.887.970)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(24.697.414.912)</b>	<b>20.031.113.065</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(8.696.987.801)	(17.871.278.386)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.313.174.720	1.527.084.343
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.600.000.000)	(47.516.764.605)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	164.045.928	292.537.156
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(15.819.767.153)</b>	<b>(63.568.421.492)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	8.100.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	21.000.000.000	50.516.764.605
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.100.000.000</b>	<b>49.016.764.605</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(12.417.182.065)</b>	<b>5.479.456.178</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>26.704.217.284</b>	<b>21.224.761.106</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>14.287.035.219</b>	<b>26.704.217.284</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Phương Linh



Nguyễn Thế Ân



Bùi Đại Phong

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Công ty có vốn điều lệ là 110.100.000.000 đồng tương ứng với 11.010.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; Sản xuất và lưu trữ tinh trùng bò, lợn; Sản xuất và lưu trữ phôi bò; Sản xuất và lưu trữ trứng giống;
- Chế biến sữa và các hoạt động từ sữa; Hoạt động thú y (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Chăn nuôi gia cầm. Chi tiết: hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt, lấy trứng; chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và trứng; nuôi đà điểu, chim cú, chim bồ câu;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (không bao gồm dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: chế biến và đóng hộp thịt; giết mổ, đóng gói, bảo quản thịt trâu, bò, lợn, dê, các loại gia cầm,...; sản xuất thịt ướp lạnh, đông lạnh, thịt tươi dạng tấm, cắt nhỏ hoặc từng phần riêng; Chế biến, bảo quản thủy sản; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Chi tiết: hoạt động bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; quản lý đường bộ, cầu, hầm, bãi xe ô tô, xe đạp, xe máy; và
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Công ty có 01 Xí nghiệp Xây dựng hạch toán phụ thuộc, đặt trụ sở tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	30%	30%	Hà Nội	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	20%	20%	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam	15%	15%	Hà Nội	Chăn nuôi gia súc, phát triển trang trại trung chuyên bò thịt và bò giống
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân	20%	20%	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh bất động sản

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đã được hồi tố theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty dựa trên các biên bản làm việc và đối chiếu công nợ giữa Công ty và các đối tác nhằm phản ánh đầy đủ, đúng bản chất và cung cấp đầy đủ thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



### **3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).



#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Đàn gia súc	04 - 08
- Tài sản cố định hữu hình khác	10



#### **4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

#### **4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ hoạt động là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

#### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí công cụ lao động nhỏ tại xí nghiệp xây dựng như các loại cuốc, xẻng... được phân bổ trong thời gian dưới 1 năm. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ chăn nuôi, quản lý như dây điện, tấm sưởi nhiệt, máy tính xuất dùng với thời gian sử dụng ước tính trong vòng từ 02 đến 03 năm.

#### **4.9 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

10.  
TY  
HỮU  
T.



#### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### 4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng. Thời điểm xác định doanh thu nước sạch là ngày xác nhận chỉ số công tơ được ghi trên hóa đơn tính tiền nước;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### 4.12 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### 4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.



Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

#### 4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### 4.15 Thuế

##### **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Kinh doanh gia súc, giống gia súc là dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

##### **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.17 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá [thực tế] tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.



#### **4.18 Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt (i)	492.133.456	1.344.849.330
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	10.744.257.182	21.359.367.954
Các khoản tương đương tiền (iii)	3.050.644.581	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.287.035.219</b>	<b>26.704.217.284</b>

**(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đô la Mỹ (USD)	-	-
Đồng Việt Nam	-	492.133.456
<b>Cộng</b>	-	<b>492.133.456</b>

**(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đô la Mỹ (USD)	-	-
Đồng Việt Nam	-	10.744.257.182
<b>Cộng</b>	-	<b>10.744.257.182</b>

**(iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 bao gồm:**

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đô la Mỹ (USD)	-	-
Đồng Việt Nam	-	3.050.644.581
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống	-	3.050.644.581
<b>Cộng</b>	-	<b>3.050.644.581</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm kỳ hạn từ 01- 03 tháng với lãi suất từ 4,8%-5,3%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>7.882.328.898</b>	<b>1.057.803.060</b>
Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	3.743.634.250	-
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi và Thương mại Thăng Long	2.171.291.000	-
Công ty TNHH XNK TM và DV Đại Dương	-	714.000.000
Ông Vũ Văn Thực- bán sữa	47.064.000	108.601.000
Các khách hàng khác	1.920.339.648	235.202.060
<b>b. Phải thu khách hàng bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.3)	<b>178.778.188</b>	<b>-</b>

**5.3 Phải thu khác**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	140.000.000	1.941.000.000
Phải thu khác (*)	3.472.378.092	6.136.339.515
<b>Cộng</b>	<b>3.612.378.092</b>	<b>8.077.339.515</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Đầu tư dự án Khu nhà ở tại Kiều Ky (**)	15.524.186.100	15.524.186.100
<b>Cộng</b>	<b>15.524.186.100</b>	<b>15.524.186.100</b>

(\*) Khoản phải thu khác chủ yếu là phải thu tiền cho thuê, cho khai thác cơ sở hạ tầng, đất nhân rồi của Công ty.

(\*\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội), Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty TNHH Vườn sinh thái Long Biên đã được công chứng ngày 28 tháng 12 năm 2010 tại Văn phòng Công chứng Lạc Việt 18 Văn Cao, Ba Đình, Hà Nội, các bên đồng ý hợp tác bằng việc cùng góp vốn đầu tư xây dựng và khai thác, kinh doanh một khu nhà ở để bán trên khu đất diện tích 171.124 m<sup>2</sup> hiện đang thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội tại xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội góp vốn bằng lợi thế thương mại, hạ tầng của khu đất tương đương 20% vốn góp của dự án. Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Công ty TNHH Vườn sinh thái Long Biên góp bằng tiền và giá trị công việc đã thực hiện với tỷ lệ lần lượt là 70% và 10%. Các bên sẽ được phân chia lợi nhuận sau thuế của dự án theo tỷ lệ vốn góp. Theo Công văn số 415/CV/GGS-ĐT ngày 26 tháng 9 năm 2011, các bên liên danh trong hợp đồng hợp tác đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội về việc cam kết hoàn trả toàn bộ chi phí hạ tầng mà Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội đã đầu tư với số tiền là 15.524.186.100 đồng ngay sau khi Dự án trên được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.4 Chi phí trả trước**

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xây dựng xuất dùng	217.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>217.100.000</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chăn nuôi xuất dùng phân bổ từ 02 đến 03 năm	536.958.591	212.461.262
<b>Cộng</b>	<b>536.958.591</b>	<b>212.461.262</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	746.483.791	-	802.771.695	-
Công cụ, dụng cụ	81.280.545	-	81.280.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.908.830.728	-	6.491.245.462	-
Thành phẩm	1.269.742.190	-	914.145.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.006.337.254</b>	<b>-</b>	<b>8.289.442.702</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	212.766.200	141.369.200	4.601.840.000	1.820.535.000
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	193.850.200	135.694.200	-	-
Công ty TNHH Hitaco	125.215.200	87.650.200	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Gia Long	68.635.000	48.044.000	-	-
Từ 2 năm đến 3 năm	18.916.000	5.675.000	4.601.840.000	1.820.535.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển thủy lợi Hà Nội	18.916.000	5.675.000	-	-
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	-	-	4.601.840.000	1.820.535.000

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

22

11/1/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Đàn gia súc (VND)	Tài sản khác (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2018	65.307.023.664	23.479.361.265	2.270.180.000	389.891.000	10.237.854.499	-	101.684.310.428
Mua trong năm	-	970.545.455	621.440.000	-	110.040.000	50.000.000	1.752.025.455
Đầu tư XD CB hoàn thành	4.677.494.646	194.517.700	-	-	2.072.950.000	-	6.944.962.346
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.069.905.162)	-	-	(3.726.634.499)	-	(9.796.539.661)
Giảm do góp vốn vào Công ty CP Giống Gia Súc Việt Nam (*)	(6.172.757.306)	(281.083.558)	-	(187.000.000)	(4.443.160.000)	-	(11.084.000.864)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>63.811.761.004</b>	<b>18.293.435.700</b>	<b>2.891.620.000</b>	<b>202.891.000</b>	<b>4.251.050.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>89.500.757.704</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư tại ngày 01/01/2018	13.849.896.385	7.542.992.766	792.886.855	169.509.211	2.565.891.616	-	24.921.176.833
Khấu hao trong năm	3.267.741.636	1.744.121.054	285.690.479	47.980.171	1.649.647.708	4.166.667	6.999.347.715
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.329.300.693)	-	-	(1.925.016.748)	-	(7.254.317.441)
Giảm do góp vốn vào Công ty CP Giống Gia Súc Việt Nam (*)	(3.488.016.384)	(140.356.387)	-	(123.384.583)	(867.071.500)	-	(4.618.828.854)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>13.629.621.637</b>	<b>3.817.456.740</b>	<b>1.078.577.334</b>	<b>94.104.799</b>	<b>1.423.451.076</b>	<b>4.166.667</b>	<b>20.047.378.253</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
- Tại ngày 01/01/2018	51.457.127.279	15.936.368.499	1.477.293.145	220.381.789	7.671.962.883	-	76.763.133.595
- Tại ngày 31/12/2018	50.182.139.367	14.475.978.960	1.813.042.666	108.786.201	2.827.598.924	45.833.333	69.453.379.451

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.469.450.233 đồng. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 686.500.000 đồng.

(\*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam của các cổ đông sáng lập tháng 7 năm 2018, Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội góp 30% vốn tương đương 15 tỷ đồng bằng tài sản, công trình kiến trúc hạ tầng được xây dựng trên khu đất, trang thiết bị, công nghệ giống gia súc và số lượng bò sữa hiện đang chăn nuôi trong các trang trại trên khu đất tại xã Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội. Ngày 16 tháng 10 năm 2018, Công ty đã thực hiện bàn giao các tài sản theo thỏa thuận cho Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam theo biên bản bàn giao số 416/BBBG/GGS HN - VN.



**5.8 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết</b>				
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	1.552.016.600	-	1.552.016.600	-
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	28.520.000.000	-	28.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống gia súc Việt Nam	15.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân	40.000.000.000	-	31.396.764.605	-
<b>Cộng</b>	<b>85.072.016.600</b>	<b>-</b>	<b>61.468.781.205</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, do các Công ty liên kết này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.393.578.275</b>	<b>10.393.578.275</b>	<b>2.623.133.614</b>	<b>2.623.133.614</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống gia súc	526.716.710	526.716.710	1.258.114.830	1.258.114.830
Công ty TNHH XNK Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	614.983.400	614.983.400	614.983.400	614.983.400
Công ty Cổ phần Nam Việt	7.523.870.366	7.523.870.366	-	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang	982.162.500	982.162.500	-	-
Các khách hàng khác	745.845.299	745.845.299	750.035.384	750.035.384
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>526.716.710</b>	<b>526.716.710</b>	<b>1.258.114.830</b>	<b>1.258.114.830</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Truyền giống gia súc	526.716.710	526.716.710	1.258.114.830	1.258.114.830

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2018 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số thực nộp trong năm (VND)	01/01/2018 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	1.256.953.328	2.977.210.018	2.188.554.407	468.297.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.144.312	26.144.312	196.023.192	196.023.192
Thuế thu nhập cá nhân	40.568.136	53.736.569	13.168.433	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.443.283.447	2.449.344.324	6.060.877
Các loại thuế khác	-	17.851.828	17.851.828	-
<b>Cộng</b>	<b>1.323.665.776</b>	<b>5.518.226.174</b>	<b>4.864.942.184</b>	<b>670.381.786</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

25



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.11 Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	(VND)	(VND)
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Cho thuê nhà xưởng tại Văn phòng	22.181.818	-
Cho thuê nhà xưởng tại Xí nghiệp	2.941.357.574	1.864.113.908
<b>Cộng</b>	<b><u>2.963.539.392</u></b>	<b><u>1.864.113.908</u></b>

**5.12 Phải trả khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	53.040.774	75.178.700
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	4.163.658	95.854.751
Lãi vay phải trả	3.825.497.883	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.990.607.685	13.718.588.107
<b>Cộng</b>	<b><u>5.873.310.000</u></b>	<b><u>13.889.621.558</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**

**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Số có khả năng		Tăng (VND)	Giảm (VND)	Số có khả năng	
	Giá trị (VND)	trả nợ (VND)			Giá trị (VND)	trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phân loại từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn sang ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>			<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2018		Phát sinh trong năm		01/01/2018	
	Số có khả năng		Tăng (VND)	Giảm (VND)	Số có khả năng	
	Giá trị (VND)	trả nợ (VND)			Giá trị (VND)	trả nợ (VND)
<b>Vay dài hạn</b>	<b>74.316.764.605</b>	<b>74.316.764.605</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>54.316.764.605</b>	<b>54.316.764.605</b>
Ông Nguyễn Đình Công	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Bà Phan Thanh Hoa	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	700.000.000
Ngân hàng NN và PTNT Từ Liêm (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings (**)	42.496.764.605	42.496.764.605	8.600.000.000	-	33.896.764.605	33.896.764.605
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh (***)	20.960.000.000	20.960.000.000	12.400.000.000	-	8.560.000.000	8.560.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư P.H (***)	8.560.000.000	8.560.000.000	-	-	8.560.000.000	8.560.000.000
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng NN và PTNT Từ Liêm	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>73.316.764.605</b>	<b>73.316.764.605</b>			<b>53.316.764.605</b>	<b>53.316.764.605</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

- (\*) Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm theo hợp đồng tín dụng số 3100LAV-2017-01353 ngày 31/05/2017. Tổng tiền vay tối đa là 5 tỷ đồng. Tiền vay sử dụng để mua máy móc, thiết bị của dự án "Dựng trạm thụ tinh nhân tạo sản xuất tinh bò chất lượng cao tại xã Phú Đồng, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội". Thời hạn cho vay là 36 tháng từ ngày 31/05/2017. Kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần, mỗi lần 250 triệu đồng. Lãi trả theo tháng vào ngày cuối tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,2%/ năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi gốc. Công ty sử dụng ô tô Toyota biển kiểm soát 30E-577.71 và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị kiểm tra khai thác đóng gói sản xuất tinh trùng bò dạng cọng rạ thể chấp cho khoản vay này.
- (\*\*) Vay theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 64/BBHTĐT ngày 24 tháng 09 năm 2010 giữa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) để đầu tư dự án X3. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng sẽ hỗ trợ toàn bộ phần vốn góp vào dự án và lập biên bản xác nhận số vốn vay phát sinh từng thời điểm cùng chi phí vốn từng thời điểm theo lãi suất ngân hàng. Khoản vay này sẽ được hoàn trả khi việc đầu tư dự án X3 được hoàn tất và phân chia thành quả của dự án theo tỷ lệ tham gia đã được hai bên thống nhất tại thỏa thuận hợp tác đầu tư nêu trên.
- (\*\*\*) Vay theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 263/2015/HĐHTĐT ngày 20 tháng 6 năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội), Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu đất có diện tích khoảng 24.000 m2 tại tổ 15 phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh và Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư P.H sẽ hỗ trợ phần vốn góp vào dự án nêu trên để thực hiện dự án. Khoản vay này sẽ được hoàn trả khi việc đầu tư dự án được hoàn tất và phân chia thành quả của dự án theo tỷ lệ tham gia đã được các bên thống nhất tại hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

28



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.14 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quý đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>28.811.560</b>	<b>15.192.579.381</b>	<b>62.018.387</b>	<b>286.189.486</b>	<b>117.569.598.814</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	(2.013.151.810)	(2.013.151.810)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(62.018.387)	(28.600.000)	(90.618.387)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>28.811.560</b>	<b>15.192.579.381</b>	<b>-</b>	<b>(1.755.562.324)</b>	<b>115.465.828.617</b>
Vốn góp tăng trong năm (*)	8.100.000.000	(78.584.944)	-	-	-	8.021.415.056
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	2.017.875.722	2.017.875.722
Giảm khác (**)	-	-	(15.192.579.381)	-	-	(15.192.579.381)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>110.100.000.000</b>	<b>(49.773.384)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>262.313.398</b>	<b>110.312.540.014</b>

(\*) Công ty tăng vốn chủ sở hữu được thực hiện theo Nghị quyết số 674/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 102.000.000.000 đồng lên 125.200.000.000 đồng theo hình thức phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu, đối tác kinh doanh của Công ty. Nguồn vốn thu được sẽ dùng để đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình và bổ sung vốn lưu động. Theo Nghị quyết số 237/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả tăng vốn điều lệ của Công ty từ 102.000.000.000 đồng lên 110.100.000.000 đồng. (Chi tiết tại Báo cáo xác định vốn góp đã được kiểm toán tại ngày 06 tháng 06 năm 2018 số 43/2018/BCKT-PKF.NHN ngày 06/06/2018).

(\*\*) Giảm khác là khoản tiền trả lại vốn của Nhà nước theo Công văn số 1774/UBND-KT của UBND thành phố Hà Nội ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc xử lý tài chính đối với khoản nhận hỗ trợ khi thành lập Công ty CP Nhà Mỹ Đình của Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội). Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội) phải nộp khoản tiền 15.192.579.381 đồng nhận hỗ trợ của các đối tác khi góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình về tài khoản tạm thu của Sở Tài chính tại Kho bạc Nhà nước.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

29



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**b) Cơ cấu vốn chủ sở hữu**

	<u>31/12/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
UBND thành phố Hà Nội	66.389.000.000	66.389.000.000
Các cổ đông khác	43.711.000.000	35.611.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>110.100.000.000</u></b>	<b><u>102.000.000.000</u></b>

**c) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2018</u> Cổ phiếu	<u>01/01/2018</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.010.000	10.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.010.000	10.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.010.000</i>	<i>10.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.010.000	10.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.010.000</i>	<i>10.200.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.15 Nguồn kinh phí**

	<u>Năm 2018</u> (VND)	<u>Năm 2017</u> (VND)
<b>Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>5.946.458.100</b>	<b>(1.710.716.900)</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.682.993.000	38.742.520.200
Chi sự nghiệp	13.135.909.137	31.085.345.200
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>493.541.963</b>	<b>5.946.458.100</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.019.365.425</b>	<b>34.897.765.838</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	28.120.248.255	19.096.188.822
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	10.639.415.806	7.957.329.215
Doanh thu hợp đồng xây lắp	9.746.146.364	7.287.796.801
Doanh thu trợ giá	513.555.000	556.451.000
<b>Cộng</b>	<b>49.019.365.425</b>	<b>34.897.765.838</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>115.060.667</b>
- Giảm giá hàng bán	-	115.060.667
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.019.365.425</b>	<b>34.782.705.171</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 8.3)</i>	<b>4.611.145.984</b>	<b>849.180.991</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	29.885.361.426	20.663.950.032
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	9.007.224.132	6.926.501.409
Giá vốn hợp đồng xây lắp	9.956.897.484	7.504.946.397
<b>Cộng</b>	<b>48.849.483.042</b>	<b>35.095.397.838</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	180.754.818	292.537.156
<b>Cộng</b>	<b>180.754.818</b>	<b>292.537.156</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	2.518.721.535	2.423.795.905
Chi phí khấu hao TSCĐ	391.844.845	253.778.353
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	71.397.000	2.781.305.000
Các khoản chi phí quản lý khác	1.122.550.718	864.316.707
<b>Cộng</b>	<b>4.104.514.098</b>	<b>6.323.195.965</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.5 Thu nhập khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chênh lệch đánh giá tài sản góp vốn	5.343.568.566	-
Cho thuê mặt bằng	7.031.695.440	3.904.621.695
Tiền hỗ trợ tai nạn, bồi thường GPMB	-	4.974.510.000
Các khoản thu dịch vụ khác	640.971.440	106.058.000
<b>Cộng</b>	<b>13.016.235.446</b>	<b>8.985.189.695</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lỗ thanh lý tài sản cố định	1.229.047.499	3.528.259.420
Các khoản phạt vi phạm hành chính	99.853.336	-
Các khoản chi dịch vụ khác	1.863.398.703	955.946.727
<b>Cộng</b>	<b>3.192.299.538</b>	<b>4.484.206.147</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.044.020.034	(2.013.151.810)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Tổng chi phí không hợp lý, hợp lệ	99.853.336	-
Chuyển lỗ	(2.013.151.810)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>130.721.560</b>	<b>(2.013.151.810)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>26.144.312</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>26.144.312</b>	<b>-</b>

**6.8 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.017.875.722	(2.013.151.810)
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	201.787.572	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.816.088.150	
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.663.808	10.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>170</b>	<b>(197)</b>

(\*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch kinh doanh của Hội đồng Quản trị Công ty để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018.

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.488.516.809	13.944.914.003
Chi phí nhân công	10.164.865.189	10.048.390.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.999.347.715	7.176.041.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.218.770.623	10.555.361.524
Chi phí khác bằng tiền	2.810.824.260	4.368.709.897
<b>Cộng</b>	<b>54.682.324.596</b>	<b>46.093.417.105</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****7.1 Số tiền thực đầu tư công ty liên kết trong năm:**

- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: 8.600.000.000 VND.

**7.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 21.000.000.000 VND.

**7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường : 1.000.000.000 VND.

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại Hà Nội. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận chăn nuôi, kinh doanh thương mại, dịch vụ và bộ phận xây lắp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ (VND)	Hoạt động xây lắp (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	174.853.048.588	31.683.125.617	206.536.174.205
<b>Tổng tài sản</b>			<b>206.536.174.205</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	91.413.077.883	4.317.014.345	95.730.092.228
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>95.730.092.228</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2018**

	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ (VND)	Hoạt động xây lắp (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	163.070.475.580	32.417.159.143	195.487.634.723
<b>Tổng tài sản</b>			<b>195.487.634.723</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	70.970.608.113	3.104.739.893	74.075.348.006
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>74.075.348.006</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018**

	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ (VND)	Hoạt động xây lắp (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Doanh thu thuần	38.612.120.663	10.407.244.762	49.019.365.425
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>38.612.120.663</b>	<b>10.407.244.762</b>	<b>49.019.365.425</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	38.520.572.975	10.328.910.067	48.849.483.042
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			-
Kết quả kinh doanh bộ phận	91.547.688	78.334.695	169.882.383
Chi phí không phân bổ			4.104.514.098
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(3.934.631.715)
Doanh thu từ các khoản đầu tư			180.754.818
Lợi nhuận khác			9.823.935.908
Chi phí tài chính			4.026.038.977
Lợi nhuận trước thuế			2.044.020.034
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			26.144.312
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>2.017.875.722</b>

**Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017**

	Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ (VND)	Hoạt động xây lắp (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần	27.494.908.370	7.287.796.801	34.782.705.171
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>27.494.908.370</b>	<b>7.287.796.801</b>	<b>34.782.705.171</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	27.590.451.441	7.504.946.397	35.095.397.838
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(95.543.071)	(217.149.596)	(312.692.667)
Chi phí không phân bổ			6.323.195.965
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(6.635.888.632)
Doanh thu từ các khoản đầu tư			292.537.156
Lợi nhuận khác			4.500.983.548
Chi phí tài chính			170.783.882
Lợi nhuận trước thuế			(2.013.151.810)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<b>(2.013.151.810)</b>



## 8.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.



*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 31/12/2018</b>			
<b>Giá trị ghi sổ:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.287.035.219	-	14.287.035.219
Phải thu khách hàng	7.882.328.898	15.524.186.100	23.406.514.998
Đầu tư	-	85.072.016.600	85.072.016.600
Phải thu khác	3.612.378.092	-	3.612.378.092
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(71.397.000)	-	(71.397.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.710.345.209</b>	<b>100.596.202.700</b>	<b>126.306.547.909</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Ngày 31/12/2018**

Các khoản vay và nợ	1.000.000.000	73.316.764.605	74.316.764.605
Phải trả người bán	10.393.578.275	-	10.393.578.275
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.873.310.000	-	5.873.310.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.266.888.275</b>	<b>73.316.764.605</b>	<b>90.583.652.880</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.443.456.934</b>	<b>27.279.438.095</b>	<b>35.722.895.029</b>

**Ngày 01/01/2018****Giá trị ghi sổ:**

Tiền và các khoản tương đương tiền	26.704.217.284	-	26.704.217.284
Phải thu khách hàng	1.057.803.060	15.524.186.100	16.581.989.160
Đầu tư	-	61.468.781.205	61.468.781.205
Phải thu khác	8.077.339.515	-	8.077.339.515

**Trừ:**

Dự phòng phải thu khó đòi	(2.781.305.000)	-	(2.781.305.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-

<b>Cộng</b>	<b>33.058.054.859</b>	<b>76.992.967.305</b>	<b>110.051.022.164</b>
-------------	-----------------------	-----------------------	------------------------

**Ngày 01/01/2018**

Các khoản vay và nợ	1.000.000.000	53.316.764.605	54.316.764.605
Phải trả người bán	2.623.133.614	-	2.623.133.614
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	13.889.621.558	-	13.889.621.558
<b>Cộng</b>	<b>17.512.755.172</b>	<b>53.316.764.605</b>	<b>70.829.519.777</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.545.299.687</b>	<b>23.676.202.700</b>	<b>39.221.502.387</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	27.018.893.090	24.659.328.675	27.018.893.090	24.659.328.675
<i>Phải thu khách hàng</i>	7.882.328.898	1.057.803.060	7.882.328.898	1.057.803.060
<i>Phải thu khác</i>	19.136.564.192	23.601.525.615	19.136.564.192	23.601.525.615
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.287.035.219	26.704.217.284	14.287.035.219	26.704.217.284
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	-	-	-	-
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	14.287.035.219	26.704.217.284	14.287.035.219	26.704.217.284
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.305.928.309</b>	<b>51.363.545.959</b>	<b>41.305.928.309</b>	<b>51.363.545.959</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính	90.583.652.880	70.829.519.777	90.583.652.880	70.829.519.777
<i>Vay và nợ</i>	74.316.764.605	54.316.764.605	74.316.764.605	54.316.764.605
<i>Phải trả người bán</i>	10.393.578.275	2.623.133.614	10.393.578.275	2.623.133.614
<i>Phải trả khác</i>	5.873.310.000	13.889.621.558	5.873.310.000	13.889.621.558
<b>Tổng cộng</b>	<b>90.583.652.880</b>	<b>70.829.519.777</b>	<b>90.583.652.880</b>	<b>70.829.519.777</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

39

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI



## 8.3 Thông tin về các bên liên quan

## a) Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND thành phố Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	Công ty liên kết
Công ty CP Giống gia súc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Xuân	Công ty liên kết

## b) Các giao dịch với các bên liên quan

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2017</u> <u>(VND)</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	4.167.432.604	849.180.991
Công ty CP Giống gia súc Việt Nam	443.713.380	-
<b>Cộng</b>	<b>4.611.145.984</b>	<b>849.180.991</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	5.287.814.710	2.843.107.044
<b>Cộng</b>	<b>5.287.814.710</b>	<b>2.843.107.044</b>
<b>Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31/12/2018</b>		
	<u>31/12/2018</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2018</u> <u>(VND)</u>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		
Công ty CP giống gia súc Việt Nam	178.778.188	-
<b>Cộng</b>	<b>178.778.188</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	526.716.710	1.258.114.830
<b>Cộng</b>	<b>526.716.710</b>	<b>1.258.114.830</b>

## c) Thu nhập của Ban Giám đốc

	<u>Năm 2018</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2017</u> <u>(VND)</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	707.543.000	621.281.071
<b>Cộng</b>	<b>707.543.000</b>	<b>621.281.071</b>

**8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ**

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh năm nay, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2017 trên BCTC đã được kiểm toán	Điều chỉnh	Số liệu tại ngày 01/01/2018 trên BCTC đã được trình bày lại
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>106.623.372.557</b>	<b>47.516.764.605</b>	<b>154.140.137.162</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	15.524.186.100	15.524.186.100
Phải thu dài hạn khác	216	-	15.524.186.100	15.524.186.100
Tài sản cố định	220	92.287.319.695	(15.524.186.100)	76.763.133.595
Tài sản cố định vô hình	227	15.524.186.100	(15.524.186.100)	-
- Nguyên giá	228	15.524.186.100	(15.524.186.100)	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13.952.016.600	47.516.764.605	61.468.781.205
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13.952.016.600	47.516.764.605	61.468.781.205
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>147.970.870.118</b>	<b>47.516.764.605</b>	<b>195.487.634.723</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>26.558.583.401</b>	<b>47.516.764.605</b>	<b>74.075.348.006</b>
Nợ ngắn hạn	310	24.258.583.401	(3.500.000.000)	20.758.583.401
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.500.000.000	(3.500.000.000)	1.000.000.000
Nợ dài hạn	330	2.300.000.000	51.016.764.605	53.316.764.605
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.300.000.000	51.016.764.605	53.316.764.605
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>147.970.870.118</b>	<b>47.516.764.605</b>	<b>195.487.634.723</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI**

Địa chỉ: Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Lưu chuyển tiền tệ**

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2017 trên BCTC đã được kiểm toán	Điều chỉnh	Số so sánh năm 2017 trên BCTC năm 2018
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(47.516.764.605)	(47.516.764.605)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.051.656.887)</b>	<b>(47.516.764.605)</b>	<b>(63.568.421.492)</b>
Tiền thu từ đi vay	33	3.000.000.000	47.516.764.605	50.516.764.605
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>47.516.764.605</b>	<b>49.016.764.605</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.479.456.178	-	5.479.456.178
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.224.761.106	-	21.224.761.106
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	26.704.217.284	-	26.704.217.284

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Phương Linh



Nguyễn Thế Ân



Bùi Đại Phong